

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI TANACO VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI TANACO VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIET NAM TANACO TRADING AND INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: VIET NAM TANACO TRADING AND INVESTMENT., JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0108309900

3. Ngày thành lập: 05/06/2018

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 7 ngõ 88/2, đường Hoàng Như Tiếp, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0888502222

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
2.	Sản xuất đường	1072
3.	Xây dựng nhà các loại	4100
4.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
5.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) Bán buôn máy móc, thiết bị y tế Bán buôn các loại máy công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu Bán buôn máy móc, thiết bị khác chưa được phân vào đâu để sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác Bán buôn thiết bị và dụng cụ đo lường	4659
6.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
7.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
8.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
9.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
10.	Cho thuê xe có động cơ	7710

11.	Đại lý du lịch	7911
12.	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7920
13.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
14.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
15.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh	8299
16.	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia	1103
17.	Hoàn thiện sản phẩm dệt	1313
18.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1321
19.	Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục)	1322
20.	Sản xuất thảm, chăn đệm	1323
21.	Thuộc, sơ chế da; sơ chế và nhuộm da lông thú	1511
22.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
23.	Sản xuất giày dép	1520
24.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
25.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
26.	Xây dựng công trình công ích	4220
27.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
28.	Phá dỡ	4311
29.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
30.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
31.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
32.	Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh	1101
33.	Sản xuất rượu vang	1102
34.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng Chi tiết: - Sản xuất nước ngọt ; - Sản xuất bột hoặc nước ngọt không cồn: nước chanh, nước cam, côla, nước hoa quả, nước bổ dưỡng	1104
35.	Sản xuất sản phẩm thuốc lá	1200
36.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
37.	Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống) (trừ đấu giá)	4512

38.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Kinh doanh thực phẩm chức năng Bán buôn chè Bán buôn cà phê Bán buôn rau, quả Bán buôn thủy sản Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt	4632(Chính)
39.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc Lào	4634
40.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao	4649
41.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
42.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
43.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
44.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ vàng miếng)	4662
45.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại Bán buôn cao su	4669
46.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
47.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
48.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
49.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764

50.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Sản xuất đồ ăn dinh dưỡng, sữa và các thực phẩm dinh dưỡng, thức ăn cho trẻ nhỏ, thực phẩm có chứa thành phần hoóc môn - Sản xuất các loại trà dược thảo (bạc hà, cỏ roi ngựa, cúc la mã) - Sản xuất chiết suất và chế phẩm từ chè hoặc đồ pha kèm - Trộn chè và chất phụ gia - Sản xuất các loại tinh dầu - Sản xuất thực phẩm chức năng	1079
51.	Bán buôn đồ uống	4633
52.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
53.	Bốc xếp hàng hóa	5224
54.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
55.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621
56.	Quảng cáo	7310
57.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính)	7730
58.	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú	9620
59.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác Bán lẻ phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)	4530
60.	Bán mô tô, xe máy Chi tiết: Bán buôn mô tô, xe máy Bán lẻ mô tô, xe máy Đại lý mô tô, xe máy	4541
61.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy Chi tiết: Bán buôn các loại phụ tùng, bộ phận, linh kiện rời của mô tô, xe máy như: săm, lốp, cốp, yếm xe, ắc quy, bugi, đèn, các phụ tùng điện	4543
62.	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý	4610

63.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
64.	Bán buôn gạo	4631
65.	Điều hành tua du lịch	7912
66.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
67.	Sửa chữa giày, dép, hàng da và giả da	9523
68.	Bán buôn tổng hợp	4690
69.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất	7410
70.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu	0128
71.	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	2100
72.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
73.	Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác	8129
74.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
75.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524
76.	Sản xuất các loại dây bện và lưới	1324
77.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
78.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
79.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
80.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
81.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
82.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702
83.	Thu gom rác thải độc hại	3812
84.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
85.	Sản xuất ca cao, sôcôla và mứt kẹo	1073
86.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074
87.	Sản xuất sợi	1311
88.	Sản xuất vải dệt thoi	1312
89.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
90.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
91.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
92.	In ấn	1811
93.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
94.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
95.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
96.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
97.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
98.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330

99.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
100.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (trừ đầu giá)	4511
101.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Đại lý ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống) Đại lý xe có động cơ khác	4513
102.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
103.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
104.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
105.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
106.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
107.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
108.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
109.	Xuất bản phần mềm	5820
110.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
111.	Dịch vụ đóng gói	8292
112.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521

6. Vốn điều lệ: 968.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN VĂN HUỆ	Chi Long, thôn Đại Đồng, Xã Danh Thắng, Huyện Hiệp Hoà, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	19.360	193.600.000	20,000	121981118	
			Tổng số	19.360	193.600.000	20,000		

2	TRẦN THỊ TRANG	Đội 4, Xã Đông Lỗ, Huyện Hiệp Hoà, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	38.720	387.200.000	40,000	121980941	
			Tổng số	38.720	387.200.000	40,000		
3	HOÀNG THỊ THANH NGÀ	Đoàn Kết thôn Đại Đồng, Xã Danh Thắng, Huyện Hiệp Hoà, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	387.200	3.872.000.000	400,000	121980932	
			Tổng số	387.200	3.872.000.000	400,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN VĂN HUỆ

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 21/04/1990

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 121981118

Ngày cấp: 21/01/2016

Nơi cấp: Công an Bắc Giang

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Chi Long, thôn Đại Đồng, Xã Danh Thắng, Huyện Hiệp Hoà, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Chi Long, thôn Đại Đồng, Xã Danh Thắng, Huyện Hiệp Hoà, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội